

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/LĐ-ST

Ngày 30-9-2022

V/v “Tranh chấp tiền lương”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: đường L, ấp X, xã D, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần N

Địa chỉ: đường C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kỳ Minh K, sinh năm 1982, chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: đường P, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 03/01/2018, Ông Trần Văn T ký hợp đồng lao động và làm việc cho Công ty Cổ phần N (kể từ sau gọi là công ty N) hợp đồng lao động xác định thời hạn 36 tháng. Mức lương chính trong hợp đồng là 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng)/tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N điều chuyển ông T tới một công ty khác làm việc và không đúng vị trí công việc, tiền lương cũng như các chế độ đãi ngộ khác không được đảm bảo và thường xuyên nợ lương nên ông T nghỉ việc ở Công ty N kể từ ngày 01/02/2020.

Ngày 31/01/2020, ông T và Công ty N ký biên bản xác định công nợ, theo đó Công ty N còn nợ ông T, bao gồm các khoản:

- Tiền thưởng năm 2018 là 17.748.375 đồng;
- Tiền lương tháng 10/2019 là 6.080.096 đồng;
- Tiền lương tháng 11/2019 là 12.718.077 đồng;
- Tiền lương tháng 12/2019 là 11.588.296 đồng;
- Tiền lương tháng 01/2020 là 9.934.423 đồng;

Sau khi ký Biên bản xác định công nợ ngày 31/01/2020 cho đến nay Công ty N vẫn không thực hiện trả tiền cho ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty N phải trả các khoản sau: Tiền thưởng số tiền năm 2018 là 17.748.375 đồng; tiền lương tháng 10, 11, 12/2019 và tháng 01/2020 tổng cộng là 40.320.892 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính tính từ 31/01/2020 đến 23/7/2020 là 2.814.209 đồng; yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2020 với số tiền 56.992.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần N vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Ông Trần Văn T đại diện tho ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: không yêu Công ty N thanh toán tiền thưởng năm 2018 là 17.748.375 đồng và không yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2020 với số tiền 56.992.000 đồng.

Yêu cầu công ty N phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau: Tiền lương các tháng 10, 11, 12/2019 và tháng 01/2020 với số tiền 40.320.892 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán tiền thưởng và tiền lương tính từ ngày 31/01/2020 đến ngày 30/9/2022 theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 10.715.000 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần N vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Pháp luật về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Ông Trần Văn T có đơn khởi kiện Công ty Cổ phần N tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn Ông Trần Văn T do ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty Cổ phần N đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét ý kiến trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền thưởng năm 2018 là 17.748.375 đồng và không yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2020 với số tiền 56.992.000 đồng. Nhận thấy, Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ các tháng 10, 11, 12/2019 và tháng 01/2020 tổng cộng là 40.320.892 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng lao động số 037/2018/HĐLD-Namcong ngày 03/01/2018 thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng lao động. Căn cứ Biên bản xác định công nợ ngày 31/01/2020 thể hiện Bị đơn còn nợ Nguyên đơn tiền lương các tháng 10/2019 là 8.040.913, tháng 11/2019 là 10.770.962 đồng, tháng 12/2019 là 7.840.417 đồng và tháng 01/2020 là 4.063.702 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía Bị đơn đều vắng mặt, địa chỉ trụ sở không thể hiện Công ty còn thực tế làm việc, phía bị đơn cũng không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu khác thể hiện đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định Bị đơn vẫn còn nợ tiền lương của Nguyên đơn tổng cộng 40.320.892 đồng.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 31/01/2020 đến ngày 30/9/2022 là 10.715.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi 10.715.000 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 90, 96 Bộ luật Lao động năm 2012, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lương tháng 10/2019, tháng 11/2019, tháng 12/2019 và tháng 01/2020, tổng cộng số tiền là 40.320.892 (Bốn mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn tám trăm chín mươi hai) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 31/01/2020 cho đến ngày 30/9/2022 là 10.715.000 đồng, tổng cộng 02 khoản là 51.035.892 đồng.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 90, Điều 96 Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn Ông Trần Văn T đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần N trả tiền thưởng năm 2018 là 17.0748.375 đồng và yêu cầu bồi thường tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2020 với số tiền 56.992.000 đồng do Nguyên đơn rút yêu cầu, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Ông Trần Văn T:

Công ty Cổ phần N có trách nhiệm trả cho Ông Trần Văn T số tiền lương còn thiếu là 40.320.892 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 10.715.000 đồng, tổng cộng là 51.035.892 (Năm mươi một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi hai) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần N phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 1.531.076 (Một triệu năm trăm ba mươi một ngàn không trăm bảy mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho Nguyên đơn Ông Trần Văn T số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068705 ngày 16/11/2020 và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068706 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm